

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08-02-2021
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Dũ.
2. Bà Trần Thị Thu Thảo.

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2020/TLST-HN ngày 13 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HN ngày 18 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HN ngày 28 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Chị **Thái Mỹ Ph**, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp PT, xã NQ, huyện HD, tỉnh Bạc Liêu (xin vắng mặt).

2.*Bị đơn:* Anh **Lê Quốc Đ**, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp THT, xã THT, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 7 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thái Mỹ Ph trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2013, chị và anh Đ được sự chấp thuận của hai bên gia đình anh chị tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn được Ủy ban

nhân dân xã THT, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45/2013 ngày 14-11-2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, thời gian sau khi có con chung anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống anh Đ không quan tâm chăm lo gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay nhưng không hàn gắn được. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lê Quốc Đ.

Về nuôi con chung: Quá trình sống chung, anh chị có một con chung Lê Kim M, sinh ngày 30-8-2013. Hiện nay cháu M đang sống cùng chị, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

***Bị đơn Lê Quốc Đ:**

Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ anh Đ nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Thái Mỹ Ph tranh chấp yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với bị đơn anh Lê Quốc Đ, địa chỉ: ấp THT, xã THT, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản

1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Thái Mỹ Ph có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Lê Quốc Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Mỹ Ph và anh Lê Quốc Đ sống chung năm 2013 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân xã THT, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị Ph và anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Xét tình cảm giữa chị Ph và anh Đ sống chung hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không phù hợp tính tình, theo chị Ph thì anh Đ không quan tâm lo lắng cho vợ con. Anh chị ly thân từ năm 2018 cho đến nay, thời gian ly thân anh chị không hàn gắn hạnh phúc được. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải để anh chị hàn gắn đoàn tụ nhưng anh Đ không đến tham dự cũng không có ý kiến đối với yêu cầu của chị Ph, nay chị Ph cương quyết xin ly hôn do không còn tình cảm với anh Đ, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thái Mỹ Ph.

[4] Về nuôi con chung: Quá trình sống chung, anh chị có một con chung Lê Kim M, sinh ngày 30-8-2013. Hiện nay cháu M đang sống cùng chị Ph. Chị Ph có nguyện vọng được nuôi con khi ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu M đang sống ổn định cùng chị Ph, cháu M có nguyện vọng sống cùng chị Ph khi Tòa án giải quyết ly hôn, chị Ph có chỗ ở ổn định và có điều kiện để nuôi dưỡng cháu M, nên cần thiết tiếp tục giao cháu M cho chị Ph tiếp tục nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống và tâm lý cho cháu M. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ph, giao con chung Lê Kim M cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thái Mỹ Ph không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Thái Mỹ Ph phải chịu án phí HNST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56. Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thái Mỹ Ph và anh Lê Quốc Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Kim M, sinh ngày 30-8-2013 cho chị Thái Mỹ Ph trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Lê Quốc Đ được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Quốc Đ chưa phải đóng góp nuôi con chung do chị Thái Mỹ Ph chưa có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Thái Mỹ Ph phải chịu 300.000 đồng án phí HNST được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 20691 ngày 13-10-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị Ph đã nộp đủ án phí HNST.

5. Quyền kháng cáo: Chị Ph, anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- UBND xã THT, huyện Tân Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thuyền